

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển,
Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển,
Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển (tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này), Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển (tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này) và Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược (tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định ban hành, cập nhật Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2026 và thay thế Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh

mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển và Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, CN, NN, ĐMDN, Cục KSTT, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

THỦ TƯỚNG

Phụ lục I

DANH MỤC CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN *(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-TTg ngày tháng năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

1. Công nghệ trí tuệ nhân tạo.
2. Công nghệ Internet vạn vật (IoT).
3. Công nghệ dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu.
4. Công nghệ chuỗi khối (Blockchain).
5. Công nghệ tính toán đám mây, tính toán biên, tính toán phân tán và tính toán hiệu năng cao.
6. Công nghệ lượng tử.
7. Công nghệ an ninh mạng và bảo mật thông tin tiên tiến.
8. Công nghệ bản sao số (Digital Twin).
9. Công nghệ thực tại mở rộng (Extended Reality – XR).
10. Công nghệ mô hình thông tin công trình (Building Information Model-BIM).
11. Công nghệ tin sinh học.
12. Công nghệ địa tin học (Geoinformatics).
13. Công nghệ hạ tầng số thế hệ sau 5G-A, 6G, NG-PON, SDN/NFV, SD-RAN, SD-WAN, LPWAN, IO-Link wireless, mạng truyền tải quang thế hệ mới và mạng phi mặt đất Non-Terrestrial Networks - NTN).
14. Công nghệ thiết kế, chế tạo và đóng gói, kiểm thử linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp và vật liệu bán dẫn.
15. Công nghệ thiết kế, phát triển và tích hợp thiết bị, phần mềm, nền tảng và giải pháp số phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.
16. Công nghệ mô phỏng và tương tác người- máy thông minh trong hệ thống công nghiệp, giao thông và y tế, đào tạo.
17. Công nghệ đo lường phát thải, thu thập, lưu trữ và sử dụng các bon.
18. Công nghệ phát điện từ năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và lưu trữ năng lượng tiên tiến.

19. Công nghệ gia công chính xác phi truyền thống (Non-traditional Manufacturing-NTM).
20. Công nghệ hàn và xử lý bề mặt trong môi trường đặc biệt.
21. Công nghệ gia công áp lực tiên tiến tạo phôi cho các sản phẩm cơ khí.
22. Công nghệ in 3D/bồi đắp vật liệu.
23. Công nghệ sản xuất linh hoạt (FMS), sản xuất tích hợp (CIM), sản xuất thông minh (IMS).
24. Công nghệ chế tạo các thiết bị điều khiển, thiết bị biến đổi điện tử công suất hiệu năng cao, các hệ truyền động tiên tiến.
25. Công nghệ chế tạo, tích hợp robot tiên tiến; phương tiện tự hành.
26. Công nghệ chế tạo máy công cụ điều khiển số (CNC) thế hệ mới.
27. Công nghệ chế tạo khuôn mẫu tiên tiến (Advanced moulds).
28. Công nghệ chế tạo giàn khoan tự nâng, giàn khoan nửa nổi nửa chìm cho ngành dầu khí.
29. Công nghệ chế tạo máy nông nghiệp tiên tiến phục vụ nông nghiệp thông minh.
30. Công nghệ chế tạo các hệ thống, thiết bị giáo dục và đào tạo thông minh cho STEAM.
31. Công nghệ chế tạo thiết bị và dụng cụ đo lường tiên tiến.
32. Công nghệ chế tạo các hệ thống, thiết bị thông minh hỗ trợ chẩn đoán theo dõi, điều trị và chăm sóc sức khỏe con người.
33. Công nghệ chế tạo hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS).
34. Công nghệ sinh học tổng hợp (Synthetic biology), sinh học phân tử (Molecular biology).
35. Công nghệ vi sinh thế hệ mới.
36. Công nghệ canh tác không đất quy mô công nghiệp.

37. Công nghệ sản xuất các thiết bị phục hồi chức năng thần kinh (Neurotechnologies).
38. Công nghệ hạt nhân, trong y tế, nông nghiệp, công nghiệp.
39. Công nghệ microwave, plasma trong chăm sóc y tế; xử lý môi trường và sản xuất thực phẩm.
40. Công nghệ mô, phôi, tế bào trong y-dược và nông nghiệp.
41. Công nghệ OMICS (Genomics, transcriptomics, proteomics, metabolomics, metagenomics).
42. Công nghệ phân tích và chẩn đoán phân tử (Molecular analysis and diagnosis).
43. Công nghệ tách chiết, tinh chế và bào chế hoạt chất tự nhiên tinh khiết quy mô công nghiệp.
44. Công nghệ sản xuất protein tái tổ hợp, enzyme và kháng thể đơn dòng dùng cho bảo vệ sức khỏe, chăn nuôi và thú y.
45. Công nghệ sản xuất vật liệu kháng khuẩn, kháng virus sử dụng trong y tế.
46. Công nghệ sản xuất vắc xin thế hệ mới cho người và vật nuôi; chế phẩm sinh học trong y tế, nông nghiệp và môi trường.
47. Công nghệ lắng đọng vật lý từ pha hơi (PVD) và lắng đọng hóa học từ pha hơi (CVD).
48. Công nghệ vật liệu tiên tiến.
49. Công nghệ xử lý rác thải rắn trong lĩnh vực điện, điện tử; công nghệ xử lý, tái chế polyme.
50. Công nghệ giao thông thông minh (ITS).
51. Công nghệ thông tin liên lạc và điều khiển tín hiệu đường sắt.
52. Công nghệ chế tạo phương tiện, ray, ghi, hệ thống cấp điện và phụ kiện chuyên dụng cho đường sắt tốc độ cao.
53. Công nghệ hệ thống động lực sử dụng năng lượng mới (hydro, điện, hybrid) cho phương tiện giao thông.

54. Công nghệ chỉnh sửa gen và chỉ thị phân tử trong y học và chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản.
55. Công nghệ cảnh báo sớm sạt lở bờ sông, bờ biển tích hợp AI và quan trắc thủy văn thời gian thực.
56. Công nghệ sản xuất chế phẩm nano và thuốc bảo vệ thực vật nano trong nông nghiệp.
57. Công nghệ chế tạo mô hình mô phỏng các loại tạng (Organoid), khối u phục vụ cho thử nghiệm thuốc và nghiên cứu y sinh.
58. Công nghệ thị giác máy tính 3D và hợp nhất cảm biến (Sensor fusion).
59. Công nghệ vệ tinh nhỏ và chùm vệ tinh nhỏ, tầm thấp.
60. Công nghệ phương tiện không người lái bay đàn.
61. Công nghệ phân tách và tinh chế đất hiếm độ sạch cao và vật liệu từ đất hiếm.
62. Công nghệ tiên tiến đánh giá trữ lượng khoáng sản chiến lược.
63. Công nghệ máy tính, phần mềm, cảm biến và cơ cấu chấp hành điều khiển trên vệ tinh.
64. Công nghệ đo xa, bám sát và điều khiển vệ tinh.
65. Công nghệ đẩy cho vệ tinh nhỏ.
66. Công nghệ payload và xử lý dữ liệu ngay cho vệ tinh.
67. Công nghệ lắp ráp, tích hợp và thử nghiệm môi trường cho vệ tinh nhỏ.
68. Công nghệ phân đoạn mặt đất và vận hành nhiệm vụ vệ tinh.
69. Công nghệ xử lý - khai thác dữ liệu viễn thám (EO data processing & analytics).
70. Công nghệ truyền hình thế hệ mới.
71. Công nghệ phát triển hệ điều hành cho máy tính nhúng, thiết bị di động thế hệ mới.
72. Công nghệ thiết kế, chế tạo anten thông minh, anten mạng pha các dải băng tần.
73. Công nghệ thủy âm.
74. Công nghệ khoan và thăm dò thế hệ mới trong lĩnh vực dầu khí.

75. Công nghệ chẩn đoán tình trạng hoạt động của các dây chuyền, máy móc trong công nghiệp.
76. Công nghệ thiết kế, chế tạo máy điện hiệu năng cao: máy biến áp 500 kV trở lên, máy biến áp GIS (Gas Insulated Substation), máy biến áp kỹ thuật số.
77. Công nghệ lưới điện thông minh, truyền tải điện một chiều cao áp.
78. Công nghệ chế tạo cảm biến tiên tiến cho hệ thống quan trắc ô nhiễm môi trường tự động.
79. Công nghệ chế tạo các thành phần cơ khí cho tuabin gió ngoài khơi: cánh, trục chính, bánh răng hộp số, vòng bi cỡ lớn; lắp đặt và vận hành ngoài khơi.
80. Công nghệ quang tử và hệ thống quang học tiên tiến.
81. Công nghệ bào chế, sản xuất thuốc tiên tiến hiện đại.
82. Công nghệ canh tác tiên tiến, bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu.
83. Công nghệ định vị, dẫn đường và điều hướng tự động, điều phối hạm đội; phương tiện tự hành.
84. Công nghệ thiết kế, chế tạo màn hình độ phân giải cao.

Phụ lục II**DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN**

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-TTg ngày tháng năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Hệ thống, thiết bị, phần mềm nhận dạng, phân tích, dự báo, điều khiển dựa trên trí tuệ nhân tạo và dữ liệu.
2. Thiết bị, phần mềm, nền tảng, giải pháp và dịch vụ IoT.
3. Nền tảng hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI.
4. Thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ công nghệ dựa trên nền tảng chuỗi khối (Blockchain).
5. Thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ tích hợp hệ thống, tính toán đám mây, tính toán biên, tính toán phân tán và tính toán hiệu năng cao.
6. Phần mềm mô phỏng, tính toán lượng tử và các nền tảng phát triển ứng dụng lượng tử.
7. Hệ thống, thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ đảm bảo an ninh mạng và bảo mật thông tin tiên tiến.
8. Hệ thống bản sao số cho đô thị; hạ tầng giao thông, năng lượng; hạ tầng số; khu công nghiệp, nhà máy và thiết bị thông minh.
9. Thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ mở rộng (Extended Reality – XR).
10. Mô hình thông tin công trình (Building Information Model-BIM). [14]
11. Hệ thống phần mềm nền tảng lưu trữ, xử lý, phân tích dữ liệu tin sinh học.
12. Hệ thống thông tin địa lý (GIS) cho quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, dự báo thiên tai và giám sát môi trường.
13. Giải pháp địa không gian ứng dụng trong nông nghiệp chính xác, quản lý đất đai và tài nguyên.
14. Dịch vụ thiết kế, tích hợp, tối ưu hóa và quản trị hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin trong hạ tầng số.

15. Thiết bị, mô-đun, phần mềm mạng thế hệ sau 5G-A, 6G, NG-PON, SDN/NFV, SD-RAN, SD-WAN, LPWAN, IO-Link wireless, mạng truyền tải quang thế hệ mới và mạng phi mặt đất Non-Terrestrial Networks - NTN).
16. Linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp, vật liệu bán dẫn và mạch điện tử linh hoạt (FPCB, FPCA).
17. Thiết bị đầu cuối thông minh cho các mạng thế hệ mới.
18. Thiết bị, phần mềm, giải pháp, nền tảng, dịch vụ cho chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong các lĩnh vực ưu tiên.
19. Hệ thống mô phỏng và tương tác người- máy thông minh trong hệ thống công nghiệp, giao thông và y tế, đào tạo.
20. Hệ thống giao diện người – máy thông minh dựa trên giọng nói, cử chỉ, thị giác máy tính.
21. Thiết bị đo lường phát thải, thu thập, lưu trữ và sử dụng các bon.
22. Linh kiện, module quang tử phục vụ truyền thông, cảm biến và y sinh.
23. Tấm pin quang điện hiệu suất cao.
24. Hệ thống sản xuất, lưu trữ, vận chuyển và phân phối hydrogen.
25. Pin lithium hiệu năng cao, sạc siêu nhanh; pin lithium-ion; pin không lithium; pin nhiên liệu hydrogen và hệ thống phát điện sử dụng hydrogen; bộ lưu trữ năng lượng dùng siêu tụ điện.
26. Thiết bị gia công chính xác phi truyền thống (Non-traditional Manufacturing- NTM).
27. Thiết bị, giải pháp hàn và xử lý bề mặt trong môi trường đặc biệt.
28. Dây chuyền và thiết bị gia công áp lực tiên tiến để tạo phôi cho các sản phẩm cơ khí.
29. Thiết bị và giải pháp in 3D/bôi đắp vật liệu.
30. Hệ thống phát điện từ năng lượng tái tạo và lưu trữ năng lượng tiên tiến.

31. Dây chuyền sản xuất linh hoạt (FMS), sản xuất tích hợp (CIM) và sản xuất thông minh (IMS).
32. Thiết bị bảo vệ số, thiết bị đảm bảo chất lượng điện năng trong hệ thống điện.
33. Thiết bị điều khiển, thiết bị biến đổi điện tử công suất hiệu năng cao, các hệ truyền động tiên tiến.
34. Robot cộng tác, robot phẫu thuật, thiết bị đeo hỗ trợ lao động exoskeleton; phương tiện tự hành mặt đất, phương tiện tự hành có cánh tay thao tác; robot hình người tích hợp AI.
35. Máy công cụ điều khiển số (CNC) thế hệ mới.
36. Khuôn mẫu tiên tiến (Advanced moulds) có tính năng kỹ thuật, độ chính xác và chất lượng cao.
37. Giàn khoan tự nâng, giàn khoan nửa nổi nửa chìm cho ngành dầu khí.
38. Máy nông nghiệp tiên tiến phục vụ nông nghiệp thông minh.
39. Hệ thống thiết bị tiên tiến chế biến và bảo quản thực phẩm.
40. Hệ thống, thiết bị giáo dục và đào tạo thông minh cho STEAM.
41. Thiết bị đo theo nguyên lý không tiếp xúc, không phá hủy và tán xạ ánh sáng.
42. Thiết bị LiDAR, thiết bị đo theo nguyên lý quán tính (INS), la bàn điện tử độ chính xác cao.
43. Thiết bị tạo tia laser công suất lớn (trừ diode laser).
44. Camera kỹ thuật số chuyên dụng, mô-đun camera thế hệ mới.
45. Thiết bị phù hợp phục vụ chẩn đoán theo dõi, điều trị và chăm sóc sức khỏe con người.
46. Hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS).
47. Các chế phẩm nhiên liệu sinh học tiên tiến.
48. Chủng vi sinh và chế phẩm vi sinh phục vụ y tế, nông nghiệp và môi trường công nghệ cao.

49. Hệ thống, thiết bị, giải pháp tự động hóa và giám sát canh tác không đất quy mô công nghiệp.
50. Nhà trồng thông minh tích hợp công nghệ số.
51. Thiết bị hỗ trợ phục hồi chức năng thần kinh.
52. Tế bào, sản phẩm có nguồn gốc từ tế bào phục vụ y học.
53. Thiết bị, hệ thống nuôi cấy và sản xuất mô tế bào, cây giống.
54. Thiết bị y tế, nông nghiệp, công nghiệp sử dụng công nghệ hạt nhân.
55. Thiết bị microwave, plasma trong y tế, môi trường và sản xuất thực phẩm.
56. Sản phẩm chất lượng cao được tạo ra với quy mô công nghiệp từ nhân, nuôi mô tế bào.
57. Các hoạt chất tự nhiên tinh khiết ứng dụng trong y – dược và thực phẩm.
58. Sản phẩm kháng thể đơn dòng, protein, enzyme tái tổ hợp.
59. Thiết bị, vật liệu kháng khuẩn, kháng virus sử dụng trong y tế.
60. Các loại vắc xin, sinh phẩm y tế, sinh phẩm chẩn đoán thế hệ mới.
61. Vật liệu có độ tinh khiết cao sản xuất bằng công nghệ chiết với quy mô công nghiệp.
62. Màng mỏng bằng công nghệ lắng đọng vật lý từ pha hơi (PVD) và lắng đọng hóa học từ pha hơi (CVD); màng mỏng bóng bán dẫn (Thin-film transistors).
63. Vật liệu nano cao cấp, màng phủ nano.
64. Kim loại tinh khiết, hợp kim đặc biệt có độ bền cao.
65. Vật liệu chế tạo linh kiện vi cơ điện tử và cảm biến thông minh.
66. Vật liệu bán dẫn, quang điện tử và quang tử.
67. Vật liệu tàng hình.
68. Vật liệu tự phục hồi (Self healing materials).
69. Vật liệu từ tiên tiến.
70. Vật liệu in 3D tiên tiến, thân thiện với môi trường.

71. Vật liệu siêu dẻo, siêu bền, siêu nhẹ có nguồn gốc sinh học, thân thiện với môi trường hoặc sử dụng trong môi trường khắc nghiệt.
72. Vật liệu polyme tiên tiến và composite nền cao phân tử chất lượng cao sử dụng trong môi trường khắc nghiệt, bền với khí hậu nhiệt đới.
73. Vật liệu gốm, sứ kỹ thuật tiên tiến (advanced ceramics) cho linh kiện điện tử, bán dẫn và các chi tiết chịu nhiệt, chịu mài mòn trong công nghiệp chế tạo máy.
74. Sợi tính năng cao, sợi thủy tinh đặc biệt, sợi carbon.
75. Vật liệu xây dựng mới, vật liệu bền vững, vật liệu xanh.
76. Phương tiện đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao.
77. Hệ thống điều khiển tín hiệu đường sắt (điều khiển tàu, bảo vệ, giám sát và vận hành tàu tự động, liên khóa điện tử, phát hiện tàu, chống ngại vật).
78. Hệ thống thông tin vô tuyến 5G/FRMCS cho đường sắt.
79. Ray, ghi và phụ kiện chuyên dụng cho công nghiệp đường sắt.
80. Vật liệu thép, hợp kim nhôm, composite phục vụ phương tiện và hạ tầng đường sắt.
81. Phương tiện giao thông sử dụng năng lượng mới, thân thiện môi trường.
82. Thuốc đông khô, thuốc đa thành phần giải phóng có kiểm soát, thuốc ứng dụng li-dose, thuốc tác dụng tại đích.
83. Phần mềm trí tuệ nhân tạo hỗ trợ khám phá khoa học và công nghệ.
84. Hệ thống phân tích hình ảnh vệ tinh dựa trên AI thời gian thực.
85. Máy chủ tính toán hiệu năng cao chuyên dụng cho trí tuệ nhân tạo.
86. Thiết bị đầu cuối truyền tin bảo mật bằng mật mã lượng tử.
87. Hệ thống định danh điện tử phi tập trung quốc gia (DID/VC).
88. Vệ tinh, chùm vệ tinh và thiết bị của vệ tinh viễn thám, viễn thông cỡ nhỏ tầm thấp.
89. Các loại vi mạch: RF IC, MMIC, Power IC và Analog IC.

90. Vi mạch tích hợp đa chức năng (SoC).
91. Phần mềm thiết kế vi mạch chuyên sâu và kiểm thử tự động (EDA).
92. Đóng gói vi mạch điện tử.
93. Bộ sinh phẩm, Kit giải pháp và cơ sở dữ liệu ứng dụng trong y – dược và nông nghiệp chẩn đoán bệnh nan y dựa trên công nghệ gen và phân tử.
94. Tế bào, sản phẩm có nguồn gốc từ tế thực vụ y học.
95. Thuốc sinh học ứng dụng trong y - dược và nông nghiệp.
96. Các mô hình mô phỏng các loại tạng và khối u.
97. Thiết bị giao diện não - máy tính (BCI) hỗ trợ phục hồi chức năng.
98. Hệ thống lưu trữ năng lượng quy mô lưới điện (BESS).
99. Nam châm vĩnh cửu từ đất hiếm hiệu năng cao cho động cơ điện.
100. Phương tiện bay không người lái tự hành tải trọng lớn chuyên dụng.
101. Hệ thống giám sát, quản lý và điều phối phương tiện bay không người lái.
102. Thiết bị thăm dò đại dương và đáy biển sâu tự hành.
103. Hệ thống radar thâm nhập đất.
104. Động cơ đẩy cho vệ tinh nhỏ.
105. Phần mềm, phân hệ thiết bị của nền tảng an ninh mạng thông minh thế hệ mới.
106. Hệ thống phòng thí nghiệm ảo và mô phỏng số tích hợp AI.
107. Phần mềm cá nhân hóa lộ trình học tập dựa trên dữ liệu lớn.
108. Hệ thống tinh chế quặng đất hiếm đạt độ sạch công nghiệp
109. Thiết bị thu hồi nhiệt dư công nghiệp chuyển đổi điện năng hiệu suất cao.
110. Cảm biến sinh học (Biosensors) độ nhạy cao dùng trong y tế môi trường.
111. Thiết bị đầu cuối vệ tinh băng thông rộng di động thế hệ mới.
112. Hệ thống trạm mặt đất và điều khiển vệ tinh, chùm vệ tinh tầm thấp.

113. Nền tảng xử lý, phân tích và cung cấp sản phẩm, dịch vụ dữ liệu viễn thám; hệ thống phân tích hình ảnh vệ tinh dựa trên trí tuệ nhân tạo thời gian gần thực.
114. Hệ thống hồ sơ giáo dục, đào tạo số quốc gia.
115. Hệ thống cấp nguồn động lực sức kéo điện áp 1500VDC, 3000VDC, 25KVAC.
116. Hệ thống đường dây tiếp điện cho phương tiện đường sắt.
117. Thiết bị bảo vệ hệ thống cung cấp điện đường sắt.
118. Cánh tuabin gió composite sợi carbon/thủy tinh cho tua bin cỡ lớn (≥ 8 MW).
119. Hộp số và bánh răng tuabin gió cỡ lớn độ chính xác cao.
120. Hệ thống ổ đỡ (bearing) cỡ lớn chuyên dụng cho điện gió.
121. Dòng/giống, cây trồng, vật nuôi, thủy sản có tiềm năng, năng suất chất lượng cao, chống chịu các điều kiện bất lợi sinh học và phi sinh học
122. Các liệu pháp gen và bộ chỉ thị phân tử ứng dụng trong y học.
123. Chế phẩm nano và thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong nông nghiệp.
124. Hệ thống định vị và dẫn đường, hệ thống nhận thức môi trường, hệ thống lập kế hoạch và điều khiển chuyển động, phần mềm robot di động, hệ thống quản lý hạm đội robot, bản đồ độ phân giải cao; robot di động tự hành (AMR, APM, robot giao hàng, robot taxi, robot phục vụ, robot nông nghiệp di động, robot tuần tra, robot hình người).
125. Màn hình độ phân giải cao, màn hình thông minh.

Phụ lục III
DANH MỤC CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC,
DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-TTg ngày tháng năm 2026
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhóm công nghệ chiến lược	Nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược
1	Công nghệ xử lý AI tại biên, công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghệ bản sao số, công nghệ thực tế ảo/thực tế tăng cường.	Mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt.
		Trợ lý ảo.
		Trí tuệ nhân tạo chuyên ngành.
		Trí tuệ nhân tạo phân tích.
		Bản sao số (Digital Twin).
		Vũ trụ ảo (Metaverse).
		Thiết bị thông minh xử lý AI tại biên
2	Công nghệ điện toán đám mây, lượng tử, dữ liệu lớn.	Dịch vụ điện toán đám mây.
		Dịch vụ điện toán lượng tử, truyền thông lượng tử.
		Trung tâm dữ liệu quy mô lớn.
3	Công nghệ Blockchain.	Tài sản số, tiền số, tiền mã hóa.
		Hạ tầng mạng Blockchain.
		Hệ thống truy xuất nguồn gốc.
4	Công nghệ mạng di động thế hệ sau (5G/6G).	Thiết bị, giải pháp mạng truy cập vô tuyến 5G/6G theo chuẩn ORAN.
		Thiết bị, giải pháp mạng lõi 5G/6G.
		Thiết bị, giải pháp truyền dẫn IP tốc độ cao.

TT	Nhóm công nghệ chiến lược	Nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược
5	Công nghệ robot và tự động hóa.	Robot di động tự hành.
		Robot công nghiệp.
		Hệ thống, dây chuyền chế biến thực phẩm tiên tiến cho các sản phẩm nông - lâm - thủy sản.
		Hệ thống bảo quản và giám sát chất lượng sau thu hoạch.
6	Công nghệ chip bán dẫn.	Chip chuyên dụng, chip AI, chip IoT.
7	Công nghệ y - sinh học tiên tiến.	Vắc xin thế hệ mới.
		Liệu pháp gen (chỉnh sửa gen) trong y tế và nông nghiệp.
		Liệu pháp tế bào (tế bào gốc, tế bào miễn dịch).
8	Công nghệ năng lượng, vật liệu tiên tiến.	Lò phản ứng hạt nhân nhỏ, an toàn.
		Pin lithium-ion, thể rắn, nhiên liệu, điện phân.
		Vật liệu tiên tiến.
9	Công nghệ đất hiếm, đại dương, lòng đất.	Hệ thống, thiết bị và giải pháp công nghệ đánh giá trữ lượng, khai thác, tuyển khoáng, tách chiết, tinh chế đất hiếm.
		Hệ thống, giải pháp công nghệ thăm dò địa chất thông minh.
		Thiết bị, giải pháp công nghệ thăm dò và khai thác biển sâu.
		Hệ thống, thiết bị, giải pháp công nghệ khai thác năng lượng ngoài khơi.

TT	Nhóm công nghệ chiến lược	Nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược
10	An ninh mạng.	Giải pháp tường lửa, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập.
		Giải pháp đảm bảo an ninh cho hạ tầng quan trọng và cơ sở dữ liệu quốc gia.
11	Công nghệ hàng không, vũ trụ.	Vệ tinh viễn thám và viễn thông tầm thấp.
		Trạm mặt đất và điều khiển vệ tinh.
		Thiết bị bay không người lái.